

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh;

Căn cứ Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh;

Căn cứ các Biên bản đánh giá của Hội đồng đánh giá năng lực của Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng 3;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng 3 (Trung tâm kỹ thuật 3), địa chỉ 49 Pasteur - Q.1 - TP.Hồ Chí Minh thực hiện việc: Thử nghiệm, giám định, chứng nhận các sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh theo các quy định tại QCVN 09:2015/BCT được ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Danh sách các



nội dung đánh giá sự phù hợp và phạm vi được chỉ định chi tiết trong Phụ lục 1, 2 kèm theo Quyết định này.

Mã số chỉ định của Trung tâm kỹ thuật 3 đối với việc đánh giá các sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh là: 01.17.TN-GIẤY (Đối với lĩnh vực thử nghiệm), 01.17.GĐ-GIẤY (Đối với lĩnh vực giám định), 01.17.CN-GIẤY (Đối với lĩnh vực chứng nhận).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm kỹ thuật 3 có trách nhiệm:

- Thực hiện việc thử nghiệm, giám định, chứng nhận các sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh theo các quy định tại QCVN 09:2015/BCT và Thông tư số 33/2016/TT-BCT;

- Lập danh sách các lô hàng đã tiến hành đánh giá sự phù hợp và báo cáo Bộ Công Thương vào tuần cuối cùng của hàng quý;

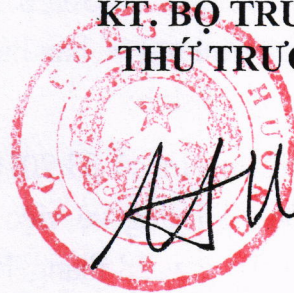
- Chịu sự đánh giá hàng năm của Bộ Công Thương đối với các lĩnh vực được chỉ định đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.

Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Quốc Hưng

**PHỤ LỤC 1 - LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN/ GIÁM ĐỊNH ĐỐI VỚI
SẢN PHẨM KHĂN GIẤY VÀ GIẤY VỆ SINH**

(Kèm theo Quyết định số **1743** /QĐ-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Lĩnh vực chứng nhận (Mã số 01.17.CN-GIẤY)

TT	Phương thức chứng nhận	Thủ tục chứng nhận	Nội dung được công nhận trong VICAS 004-PRO
1	Phương thức 5	QĐCN 109	Mục 5 – Trang 6/22 của Quyết định số 164.2017/QĐ-VPCNCL ngày 10/4/2017.
2	Phương thức 7	QĐCN 186	

2. Lĩnh vực giám định (Mã số 01.17.GĐ-GIẤY)

TT	Nội dung giám định	Quy trình giám định	Nội dung được công nhận trong VIAS 004
1	Giám định về chất lượng	QTGD 20	Mục Hàng tiêu dùng trang 6/11 của Quyết định số 152.2017/QĐ-VPCNCL ngày 29/3/2017.

**PHỤ LỤC 2 - LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM
KHĂN GIẤY VÀ GIẤY VỆ SINH (Mã số 01.17.TN-GIẤY)**

*(Kèm theo Quyết định số **1743**/QĐ-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Phép thử được công nhận trong VILAS 004
1.	Độ bền kéo	TCVN 8309-4: 2009 (ISO 12625-4: 2005)	Mục 1, 2 – Trang 2/2 Quyết định công nhận số 168.2017/QĐ-CNCL ngày 10/4/2017.
2.	Xác định độ bền kéo ướt	TCVN 8309-5: 2010 (ISO 12625-5: 2005)	
3.	Khả năng hấp thụ nước	TCVN 8309-8: 2009 (ISO 12625-8: 2005)	Mục 24, 43, 44 – Quyết định công nhận số 501.2015/QĐ-CNCL ngày 15/12/2015.
4.	Độ ẩm	TCVN 1867: 2010 (ISO 187: 2009)	
5.	pH nước chiết	TCVN 7066-1: 2008 (ISO 6588-1: 2005)	
6.	Độ bền màu của giấy (loại được làm trắng bằng chất tăng trắng huỳnh quang)	TCVN 10089: 2013 (EN 648: 2006)	Mục 3, 4, 5, 6, 7, 8 – Quyết định công nhận số 168.2017/QĐ-CNCL ngày 10/4/2017.
7.	Độ bền màu của giấy (loại được nhuộm màu và có các hình in)	TCVN 10087: 2013 (EN 646: 2006)	
8.	Hàm lượng formaldehyt	TCVN 8308: 2010 (EN 1541: 2001)	
9.	Hàm lượng chì (Pb)	TCVN 10093: 2013 (EN 12498: 2005)	
10.	Hàm lượng cadimi (Cd)	TCVN 10093: 2013 (EN 12498: 2005)	
11.	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	TCVN 10092: 2013 (EN 12497: 2005)	
12.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Phụ lục A.4 của QCVN 09:2015/BCT	Mục 11, 12 – Quyết định công nhận số 591.2016/QĐ-CNCL ngày 23/12/2016.
13.	Tổng số nấm mốc		